

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-CDKNII ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao Đẳng Kỹ Nghệ II)

Tên ngành, nghề : BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Mã ngành, nghề : 6850203

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông; Tốt nghiệp trung học phổ thông và tốt nghiệp trung cấp hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.

Thời gian đào tạo : 7 kỳ học (5 kỳ học chính, 2 kỳ học phụ).

Bằng cấp sau tốt nghiệp: Cao đẳng (Công nhận Danh hiệu Kỹ sư thực hành Bảo hộ lao động)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo nghề Bảo hộ lao động (BHLĐ) trình độ Cao đẳng cung cấp cho người học những kiến thức về an toàn lao động, các quy định về an toàn lao động, công tác bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường, phương pháp ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, một số an toàn phổ biến trong sản xuất công nghiệp và xây dựng. Sau khi học xong người học có khả năng áp dụng được các kiến thức, kỹ năng vào công việc giám sát, huấn luyện an toàn cho công trình xây dựng; giám sát và quản lý an toàn, môi trường cho nhà máy sản xuất, huấn luyện an toàn tại các trung tâm an toàn; tư vấn các dịch vụ về an toàn cho các doanh nghiệp.

Tốt nghiệp nghề Bảo hộ lao động trình độ cao đẳng, người học có kiến thức lý thuyết, kiến thức thực tế cần thiết và kỹ năng thực hành chuyên sâu, sáng tạo về nghề. Người học có phương pháp tư duy khoa học, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có ý thức kỷ luật, có sức khỏe, lòng yêu nghề, có ý thức đầy đủ với cộng đồng và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật.

Người học có khả năng tự học, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi của cách mạng công nghiệp 4.0 và có kỹ năng xanh.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học các ngành nghề có liên quan ở bậc cao hơn nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, tăng thêm năng lực tư duy đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân và xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được các quy định của pháp luật về An toàn vệ sinh lao động; môi trường; phòng chống cháy nổ;...
- Mô tả được các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động;
- Trình bày được công dụng, đặc tính kỹ thuật, quy trình công nghệ, nguyên lý làm việc của một số thiết bị, máy móc, công nghệ trong sản xuất;
- Trình bày được các quy trình đánh giá rủi ro trong môi trường làm việc;
- Trình bày được kiến thức về Ergonomi và các bước sơ cấp cứu;
- Trình bày được các bước xây dựng hệ thống quản lý An toàn vệ sinh lao động và tường bước xây dựng văn hoá an toàn cho doanh nghiệp;
- So sánh được các kiến thức kỹ năng được đào tạo tại nhà trường và thực tế công việc tại doanh nghiệp đối với nghề Bảo hộ lao động.

1.2.2. Kỹ năng

- Áp dụng đúng các qui định của pháp luật an toàn - vệ sinh lao động, các tiêu chuẩn quy chuẩn;
- Lập được kế hoạch bảo hộ lao động, các báo cáo về bảo hộ lao động;
- Hướng dẫn người lao động những thao tác đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động;
- Thực hiện kiểm tra, giám sát an toàn - vệ sinh lao động tại doanh nghiệp;
- Đánh giá được mức độ hợp lý trong bố trí mặt bằng nơi sản xuất, vị trí làm việc và mức độ rủi ro ở nơi làm việc;
- Phát hiện được các bất hợp lý trong hành trình thao tác sản phẩm, đề xuất các cải thiện;
- Thực hiện các thao tác sơ cấp cứu cơ bản và hướng dẫn lao động khác;
- Lập được phương án xử lý tình huống khẩn cấp, tổ chức diễn tập và xử lý tình huống khẩn cấp khi xảy ra;
- Tổ chức các cuộc họp về an toàn - vệ sinh lao động;
- Xây dựng được nội qui, qui chế, biện pháp làm việc đảm bảo an toàn - vệ sinh lao động nơi làm việc;
- Biết tổ chức, vận động người lao động thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động;
- Làm được các công việc cơ bản khi thực tập thực cơ sở theo yêu cầu của doanh nghiệp.

1.2.3. Năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có trình độ cao đẳng nghề Bảo hộ lao động có thể tìm kiếm vị trí làm việc sau:

- Cán bộ bảo hộ lao động tại các phòng ban, bộ phận bảo hộ lao động hoặc các bộ phận kỹ thuật hoặc các phòng tổ chức lao động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất;
- Cán bộ giám sát an toàn hiện trường tại tất cả các công trường;
- Kỹ thuật viên tại các phòng thí nghiệm và xưởng thực hành huấn luyện an toàn;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động;
- Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Ngoài ra người học có khả năng học tập, nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp nghề bảo hộ lao động trình độ cao đẳng, người học có khả năng tự học hỏi và nghiên cứu, tìm hiểu trong môi trường làm việc để nâng cao trình độ kiến thức chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trong tổ chức các hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng đòi hỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và có thể tiếp tục học tập ở bậc cao hơn nhằm hoàn thiện kiến thức, kỹ năng, tăng thêm năng lực, tư duy đáp ứng nhu cầu phát triển của bản thân và nghề nghiệp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 06 môn học và 23 mô đun
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 105 tín chỉ. Tổng số giờ: 2.535 giờ (Khối lượng lý thuyết: 757 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.671 giờ; Kiểm tra: 107 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2.100 giờ (Khối lượng lý thuyết: 600 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.416 giờ; Kiểm tra: 84 giờ)

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				
			Tổng số	Trong đó			
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra	Tự học/ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn
I	Các môn học chung	19	435	157	255	23	
6000901	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	
6000902	Pháp luật	2	30	18	10	2	

6000903	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	
6000904	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4	
6000905	Tin học	3	75	15	58	2	
6000906	Tiếng Anh	4	120	42	72	6	
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	86	2.100	600	1.416	84	1.950
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18	405	135	246	24	405
602322907	Nhập môn về kỹ thuật	3	60	30	26	4	75
602322808	Kỹ thuật điện	3	75	15	56	4	60
602322809	Hình họa - vẽ kỹ thuật	3	75	15	56	4	60
602322910	Cơ lý thuyết	3	75	15	56	4	60
602322911	Hóa học đại cương	3	60	30	26	4	75
602322912	Đại cương về bảo hộ lao động	3	60	30	26	4	75
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	68	1.695	465	1170	60	1.545
602322913	Hệ thống pháp luật an toàn vệ sinh lao động	4	90	30	56	4	90
602322814	An toàn điện	4	90	30	56	4	90

602322815	An toàn máy và thiết bị nguy hiểm	4	90	30	56	4	90
602322816	An toàn hóa chất và bức xạ	3	60	30	26	4	75
602322817	An toàn phòng chống cháy nổ	4	90	30	56	4	90
602322818	An toàn xây dựng	4	90	30	56	4	90
602322819	Sơ cấp cứu	3	75	15	56	4	60
602322920	Thực tập cơ sở	4	150	15	135		0
602322921	Tổ chức lao động và tâm lý học lao động	4	90	30	56	4	90
602322822	Vệ sinh lao động	4	90	30	56	4	90
602322823	Công nghệ xử lý môi trường	5	105	45	56	4	120
602322824	Quản lý môi trường và phát triển bền vững	4	90	30	56	4	90
602322825	Quản lý rủi ro về an toàn vệ sinh lao động	4	90	30	56	4	90
602322826	Quản lý an toàn vệ sinh lao động và môi trường	4	90	30	56	4	90

602322827	Phân tích an toàn vệ sinh lao động	3	75	15	56	4	60
602322928	Anh văn chuyên ngành	4	90	30	56	4	90
602322929	Thực tập tốt nghiệp	6	240	15	225		0
Tổng cộng		105	2.535	757	1.671	107	1.710

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc được thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Môn học: Giáo dục chính trị - *Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội.*

- Môn học: Pháp luật - *Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Môn học: Giáo dục thể chất - *Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh - *Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Môn học: Tin học - *Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Môn học: Tiếng anh - *Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.*

4.2. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và của khoa BHLĐ & Môi Trường để tổ chức hoạt động ngoại khóa, các hoạt động ngoại khóa được tổ

chức theo từng mô đun phù hợp với nội dung đào tạo vào các học kỳ hoặc từng sự kiện trong năm của nhà trường. Hoặc cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Các hoạt động thể dục, thể thao	Ngoài giờ học lý thuyết, thực hành và thực tập
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng và sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày Hoặc trong các sự kiện của Nhà trường như Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, các giải cấp trường, ...
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật hoặc vào các dịp lễ đặc biệt của Đoàn, Đảng, Nhà Trường
5	Để giáo dục truyền thống dân tộc, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội Trường tổ chức cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương	Mỗi học kỳ
6	Để học sinh, sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường tổ chức bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số xưởng, nhà máy sản xuất	Mỗi học kỳ hoặc theo nội dung từng môn học và điều kiện cụ thể cho phép

4.3. Hướng dẫn tổ chức thi hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo:

- Giáo viên thực hiện phương pháp, đánh giá học sinh khi kết thúc môn học, mô đun (ôn tập, biên soạn đề thi) theo Quy định cách thức thi hết môn học/mô đun đã được Hiệu trưởng quy định trong chương trình khung của nghề;
- Thời gian thi kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy định trong tiến độ đào tạo Ban giám hiệu đã phê duyệt theo từng năm học;

- Trước khi kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun, giáo viên bộ môn phải hoàn chỉnh đầy đủ số lần kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên;
- Việc tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun (đề thi, chấm thi, tổng kết điểm, công bố điểm,...) theo đúng đúng quy chế thi, kiểm tra do Bộ LĐ-TB&XH, Trường quy định.

4.4. Xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp: Theo phương thức tích lũy mô-đun.

Người học được công nhận tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số mô-đun quy định của chương trình;
 - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;**
 - Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc: hoàn tất hồ sơ nhập học, đóng học phí, điểm rèn luyện từ trung bình khá trở lên;
 - Có đơn đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian của chương trình.
- + Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện tốt nghiệp.
- + Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành và theo quy định của trường.

4.5. Tài liệu tham khảo:

- Số 106/TCDN-DNCQ ngày 19/01/2017 về việc Hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp.
- Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 về Quy định về qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 về Quy định khối kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 về Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
- Căn cứ thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội qui định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

- Căn cứ thông tư 04/2023/TT-BLĐTBXH ngày 15/06/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Bùi Văn Hưng